**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **-** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. | | 3TN | | 5TN | | 2TL | |  |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | |  | |  | |  | | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3TN** | **5TN** | | **2 TL** | | **1 TL** | |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***20*** | ***40*** | | ***30*** | | ***10*** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | **60** | | | **40** | | | |

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**THẦY BÓI XEM VOI**

*Nhân buổi ế hàng, năm ông thầy bói mù chuyện gẫu với nhau. Thầy nào cũng phàn nàn không biết hình thù con voi nó ra làm sao. Chợt nghe người ta nói có voi đi qua, năm người chung nhau tiền bảo người quản tượng xin cho con voi đứng lại để cùng xem .Thầy sờ vòi, thầy sờ ngà, thầy sờ tai, thầy sờ chân, thầy thì sờ đuôi.  
Ðoạn năm thầy ngồi lại bàn tán với nhau.  
 Thầy sờ vòi bảo:  
- Tưởng con voi nó thế nào, hóa ra nó dài như con đỉa!  
 Thầy sờ ngà bảo:  
- Không phải, nó cứng như cái đòn càn chứ!  
 Thầy sờ tai bảo:  
- Ðâu có! Nó to bè bè như cái quạt thôi!  
Thầy sờ chân cãi lại:  
- Ai bảo? Nó sừng sững như cái cột nhà!  
Thầy sờ đuôi lại nói:  
- Các thầy nói không đúng cả. Chính nó tua tủa như cái chổi xể cùn.  
Năm thầy, thầy nào cũng cho mình nói đúng, không ai chịu ai, thành ra xô xát, đánh nhau toác đầu, chảy máu.*

*(Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam, tập III, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999)*

**1. Lựa chọn đáp án đúng cho các câu từ 1 đến 8:**

**Câu 1**. **Truyện *Thầy bói xem voi* thuộc thể loại nào?**

A. Truyện cổ tích.

B. Truyện đồng thoại.

C. Truyện ngụ ngôn.

D. Truyện khoa học viễn tưởng

**Câu 2. Nhân vật chính trong truyện *Thầy bói xem voi* là ai?**

A. Năm ông thầy bói và con voi. B. Năm ông thầy bói.

C. Con voi. D. Con voi và một ông thầy bói.

**Câu 3. Các thầy bói đã xem voi bằng cách nào?**

A. Sờ bằng tay.

B. Nhìn bằng mắt.

C. Ngửi bằng mũi.

D. Nghe bằng tai.

**Câu 4.** **Trong truyện, năm ông thầy bói đã sờ vào những bộ phận nào của con voi?**

A. Vòi, ngà, tai, chân, đuôi.

B. Vòi, ngà, tai, chân, lưng.

C. Vòi, ngà, mắt, chân, lưng.

D. Tai, mắt, lưng, chân, đuôi.

**Câu 5. Cuộc tranh luận của năm thầy bói dẫn đến kết quả gì?**

A. Năm thầy bói nhất trí với nhau về đặc điểm của con voi.

B. Năm thầy không ai chấp nhận ý kiến của ai, một mực cho rằng ý kiến của mình là đúng nên cuối cùng đánh nhau toác đầu chảy máu.

C. Cuối cùng không ai chấp nhận ý kiến của ai nên không thể hình dung ra đặc điểm của con voi.

D. Các thầy bói nhất trí với nhau rằng con voi giống cái cột đình

**Câu 6. Truyện *Thầy bói xem voi* phê phán điều gì?**

A. Phê phán những việc làm vô bổ, không mang lại lợi ích cho bản thân cũng như người khác.

B. Phê phán thái độ khinh thường người khác.

C. Phê phán những nhận xét, đánh giá không có cơ sở hoặc chưa có chứng cứ một cách xác đáng, nhìn nhận sự vật một cách phiến diện.

D. Phê phán thái độ cầu toàn, không dám đấu tranh chống cái xấu, cái tiêu cực

**Câu 7: Ý nào sau đây nói *không đúng* về bài học rút ra từ truyện *Thầy bói xem voi*?**

A. Phải biết chọn bạn mà chơi, không nên chơi với những kẻ hay gây lộn như năm ông thầy bói mù.

B. Phải có cách xem xét sự vật cho phù hợp với mục đích.

C. Nhắc nhở mọi người tránh nhìn hiện tượng, sự vật một cách phiến diện.

D. Cần có cái nhìn tổng quát sự vật, xem xét sự vật một cách kĩ lưỡng, tránh nhìn một mặt,một khía cạnh mà đã vội vàng kết luận.

**Câu 8. Ý nào nói đúng về ý nghĩa của thành ngữ “Thầy bói xem voi”?**

A. Nói về cách đánh giá loài vật thông qua hình thức bề ngoài.

B. Nói về những người bị mù làm nghề xem bói.

C. Nói về cách xem xét sự vật, sự việc phiến diện.

D. Nói về sự thiếu hiểu biết, môi trường sống hạn hẹp.

**2. Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu sau:**

**Câu 9**. Hãy rút ra bài học sau khi đọc tác phẩm.

**Câu 10**. **“Thầy bói xem voi”** là một thành ngữ khá phổ biến. Em hãy nêu một tình huống có thể sử dụng thành ngữ này.

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Suy nghĩ của em về hiện tượng học đối phó của một bộ phận học sinh hiện nay

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II. MÔN NGỮ VĂN 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I. Đọc**  **hiểu** | **1** | C | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | C | 0,5 |
| **9** | - HS nêu được cụ thể bài học:  + Khi xem xét một sự vật, sự việc nào đó cần kết hợp nhiều giác quan khác nhau. Nếu không có điều kiện xem xét bằng đầy đủ giác quan thì phải xem xét chúng một cách toàn diện, không lấy cái bộ phận, đơn lẻ thay cho cái toàn thể  + Cần phải biết lắng nghe ý kiến của người khác, vừa nghe vừa kết hợp với phân tích, đánh giá, tổng hợp để có được một cái nhìn chính xác, đầy đủ nhất  ……………. | 1,0 |
| **10** | - HS nêu tình huống dựa vào trải nghiệm thực tế bản thân phù hợp thành ngữ **“Thầy bói xem voi”.** | 1,0 |
| **II. Viết** | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: *Trình bày ý kiến về một hiện tượng* | | 0,25 |
| *c. Trình bày ý kiến về* ***hiện tượng học đối phó của một bộ phận học sinh hiện nay***  HS có thể triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  • Giải thích khái niệm học đối phó là gì?  (Cách học qua loa, chiếu lệ nhằm mục đích đối phó sự kiểm soát của giáo viên, phụ huynh)  • Bàn luận  - Những biểu hiện phổ biến của việc học đối phó:  + Sắp đến giờ kiểm tra, thi cử mới bắt đầu lo học bài.  + Chỉ soạn bài, làm bài về nhà nếu giáo viên có kiểm tra vở bài tập, bài soạn.  + Chép bài tập của bạn để qua mắt giáo viên.  + Thường lo sợ, làm việc riêng, không chú ý nghe giảng trong những tiết học có giáo viên dễ tính.  ………  - Nguyên nhân của học đối phó:  + Học sinh chưa ý thức được tầm quan trọng của việc học.  + Giáo viên chưa có biện pháp khơi gợi nhu cầu tìm kiếm, sở hữu kiến thức của học sinh.  ………….  - Nêu những tác hại của việc học đối phó:  + Thành tích đạt được của học sinh chỉ mang tính đại khái, không thực tế.  + Kiến thức được lưu giữ một cách qua loa khiến người học chóng quên, không đạt được mục đích học tập, không tích lũy được kiến thức.  + Ảnh hưởng đến nhân phẩm của người học (thường xuyên gian lận trong học tập, thiếu trung thực).  + Bị hổng nhiều kiến thức khiến việc học sau này ngày càng khó khăn.  ……..  - Đưa ra lời khuyên, biện pháp để tránh tình trạng học đối phó của học sinh ….  \* Khẳng định lại quan điểm, nhận định về vấn đề học đối phó (vấn đề cần ảnh hưởng nghiêm trọng, cần được quan tâm,...).  Rút kinh nghiệm cho bản thân | | 2.5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lập luận sáng tạo. | | 0,5 |